

THỰC THI QUYỀN CON NGƯỜI ĐƯỢC SỐNG TRONG MÔI TRƯỜNG TRONG LÀNH THEO PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

LÝ THÀNH NHÂN

Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
Faculty of Commercial Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: ltnhan@hcmulaw.edu.vn

NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG

Cử nhân Luật Thương mại quốc tế, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
Bachelor of International Trade Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: npdong.k45ul@gmail.com

Tóm tắt

Để ghi nhận và bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành, pháp luật bảo vệ môi trường xây dựng các quy định để thực thi quyền này. Nhóm tác giả tiếp cận các nội dung về quyền con người được sống trong môi trường trong lành từ góc độ pháp luật bảo vệ môi trường qua các thời kỳ, mà chủ đạo là Luật Bảo vệ môi trường. Bài viết trình bày lịch sử ghi nhận quyền này, các công cụ pháp lý bảo đảm thực thi quyền này và đưa ra một số kiến nghị, giải pháp.

Từ khóa: quyền con người, môi trường trong lành, bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường

Abstract

To recognize and guarantee the human right to live in a clean environment, environmental protection laws develop regulations to enforce this right. The authors analyze the content of human rights to live in a clean environment from the perspective of environmental protection laws through the years, the main one being the Law on Environmental Protection. This article presents the history of recognizing this right, the legal tools to guarantee the implementation of this right, and offers some recommendations and solutions.

Keywords: human right, clean environment, environmental protection, Law on Environmental Protection

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.200>

Ngày nhận bài: 17/05/2024

Ngày duyệt đăng: 03/09/2024

Điều 43 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”. Quyền được sống trong môi trường trong lành được chính thức ghi nhận là quyền cơ bản của con người và Nhà nước cam kết bảo đảm thực hiện tại Điều 3 Hiến pháp năm 2013. Các đạo luật khác như Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (trước đó là Luật Bảo vệ môi trường năm 2014) cùng các đạo luật về tài nguyên thiên nhiên góp phần tạo nên hệ thống các công cụ pháp lý để thực thi quyền này. Tuy nhiên, tại Việt Nam, quyền con người được sống trong môi trường trong lành vẫn bị xâm phạm bởi tình trạng ô nhiễm môi trường tác động tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng, kinh tế và các vấn đề xã hội.¹ Trong đó, các hành vi xâm phạm đến quyền này có thể xuất phát từ

¹ Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020*, Nxb. Dân Trí, 2021, tr. 128; Võ Trung Tín, “Assessing Vietnam’s Environmental Laws and Direction for Improvement”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 1(1), 2019, tr. 64-76. <https://doi.org/10.2478/vjls-2020-0004>.

vi phạm trong khai thác tài nguyên, hành vi gây ô nhiễm đối với các thành phần môi trường, các hành vi gây thiệt hại cho môi trường và gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản và lợi ích hợp pháp của con người – chủ thể được pháp luật bảo vệ.

Với thực trạng đó, việc thực thi các quy định nhằm bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành cần tiếp tục được quan tâm nghiên cứu, nâng cao khả năng thực thi thông qua việc hoàn thiện các quy định pháp luật.² Pháp luật hiện hành đã có nhóm các quy định về nhận diện môi trường ô nhiễm, đồng thời pháp luật đã xây dựng các công cụ pháp lý để Nhà nước và các chủ thể khác thực hiện bảo vệ con người khi ô nhiễm xảy ra. Các nhóm quy định này cũng được thể hiện chủ đạo trong Luật Bảo vệ môi trường. Do đó, việc phân tích đánh giá các công cụ pháp lý thực thi quyền này dưới góc độ pháp luật bảo vệ môi trường là cần thiết, đồng thời các gợi mở hoàn thiện đối với Luật Bảo vệ môi trường sẽ góp phần thực thi quy định bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành.

1. Đặc điểm và lịch sử phát triển quyền con người được sống trong môi trường trong lành

1.1. Đặc điểm quyền con người được sống trong môi trường trong lành tác động đến sự điều chỉnh pháp luật môi trường

Quyền được sống trong môi trường trong lành là một quyền cơ bản, phổ biến trong các quyền về môi trường của con người, đảm bảo lợi ích cho thế hệ hiện tại và tương lai. Quyền này được ghi nhận sớm tại Tuyên bố Stockholm năm 1972 và tiếp tục được khẳng định trong các văn bản quốc tế như Hiến chương Châu Phi (1981), Nghị định thư San Salvador (1988) và Thỏa thuận Escazú (2018). Dù Tuyên bố Stockholm không mang tính ràng buộc pháp lý, nhiều quốc gia, bao gồm Việt Nam, đã ghi nhận quyền này trong Hiến pháp. Với các mục đích và ý nghĩa nêu trên, quyền con người được sống trong môi trường biểu hiện ba nhóm đặc điểm có tác động đến sự điều chỉnh của pháp luật môi trường, bao gồm:

Thứ nhất, quyền được sống trong môi trường trong lành là quyền con người và thể hiện khía cạnh của quyền sống.³ Ghi nhận mang tính lịch sử tại Tuyên bố Stockholm năm 1972, khẳng định con người có quyền cơ bản được sống trong một môi trường có chất lượng. Tiếp đó, Tuyên bố của Liên hợp quốc về môi trường và phát triển năm 1992 (hay còn được gọi là Tuyên bố Rio de Janeiro năm 1992) cũng tiếp tục khẳng định con

2 Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng, *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, tr. 101.

3 Trần Thị Trúc Minh, “Quyền con người được sống trong môi trường trong lành và việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, Đặc san số 03, 2013, tr. 35.

người có quyền được hưởng một cuộc sống hữu ích, lành mạnh và hài hòa với thiên nhiên. Ngoài ra, quyền được hưởng một môi trường trong lành đã được công nhận như là một khía cạnh của quyền về sức khỏe trong luật nhân quyền quốc tế.⁴ Thừa nhận các tuyên bố quốc tế cùng với nhận thức tiến bộ về quyền được sống trong môi trường trong lành, Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận đây là quyền con người. Khi ghi nhận đây là quyền của con người, các lĩnh vực pháp luật triển khai thực thi quyền cũng sẽ có xu hướng mở rộng đối tượng điều chỉnh và phạm vi điều chỉnh.

Thứ hai, quyền được sống trong môi trường trong lành đòi hỏi Nhà nước xây dựng công cụ pháp lý thực thi và bảo đảm. Hiến pháp 2013 Việt Nam ghi nhận quyền này tại Điều 43 và nhấn mạnh nghĩa vụ Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người. Tuy nhiên, không chỉ Nhà nước, các chủ thể xã hội và cá nhân cũng phải tôn trọng quyền này. Đặc điểm này cũng đặt ra yêu cầu pháp luật không được dừng lại trong việc ghi nhận quyền mà còn phải tạo ra cơ chế, các công cụ để người dân (con người) thực hiện quyền. Quyền này gắn liền những thủ tục tố tụng, quyền tiếp cận thông tin, quyền tham gia của công dân vào các vấn đề môi trường.⁵

Thứ ba, quyền được sống trong môi trường trong lành là một quyền độc lập nhưng cũng mang tính chất tương đối.⁶ Quyền được sống trong môi trường trong lành gắn liền với chất lượng môi trường, tạo cơ sở cho con người tồn tại và phát triển. Quyền này không tách biệt mà liên hệ với các quyền khác như chính trị, kinh tế, sức khỏe. Khi các quyền cơ bản được đảm bảo, quyền môi trường trong lành được thực thi hiệu quả, góp phần phát triển bền vững.⁷

1.2. Quá trình phát triển của pháp luật môi trường Việt Nam trong việc ghi nhận và thực thi quyền con người được sống trong môi trường trong lành

Việt Nam đã xây dựng hệ thống pháp luật để ghi nhận và thực thi quyền được sống trong môi trường trong lành, nổi bật là Luật Bảo vệ môi trường qua các thời kỳ: 1993, 2005, 2014 và hiện hành là Luật năm 2020. Các luật về tài nguyên thiên nhiên như Luật Tài nguyên nước (năm 2012,

4 UN Committee on Economic, Social and Cultural Rights, *General Comment No. 14: The Right to the Highest Attainable Standard of Health (Art. 12 of the Covenant)*, E/C.12/2000/4, 2000, tr. 9; Tran Thi Thuy Duong, “Harmonisation Between Trade Liberalisation and Environmental Protection – A Long Way to Go? An Analysis of Vietnam’s Debris Importation Control in Light of WTO and CPTPP Rules”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 6(1), 2022, tr. 19–43, <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0002>.

5 Gayathri D. Naik, “The Right to a Clean Environment in India: Gender Perspective”, *Vermont Journal of Environmental Law*, Vol. 21(3), Spring, 2020, tr. 377.

6 Huỳnh Thị Hồng Nhiên, “Quyền được sống trong môi trường trong lành theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam – Một số kiến nghị hoàn thiện”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện nghiên cứu Con người – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2022, tr. 64.

7 Erin Eacott, “A clean & healthy environment: The barriers & limitations of this emerging human right”, *Dalhousie Journal of Legal Studies*, Vol. 10, 2001, tr. 89.

2023), Luật Đất đai (năm 2013, năm 2024), Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Luật Dầu khí năm 2022 quy định về khai thác tài nguyên không gây ô nhiễm. Bên cạnh đó, các luật tăng cường khả năng phát hiện, xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại môi trường như: Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018, Bộ luật Dân sự, Hình sự, Tố tụng dân sự, Tố tụng hình sự năm 2015, Luật Thanh tra năm 2022... tạo hệ thống đảm bảo thực thi quyền này. Đặc biệt, Luật Bảo vệ môi trường năm 1993, thông qua ngày 27/12/1993, bước đầu ghi nhận quyền sống trong môi trường trong lành, tập trung phòng ngừa ô nhiễm, đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, hạn chế kỹ thuật lập pháp và nhu cầu công nghiệp hóa đã dẫn đến việc chưa thực thi đầy đủ quyền này, nên Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 được thay thế bằng Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.⁸

Nguyên tắc quyền con người được sống trong môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 vẫn tiếp tục được thừa nhận. Nguyên tắc này không được ghi nhận bằng một điều khoản cụ thể, mà được lồng ghép, ghi nhận song song với các nguyên tắc khác trong luật như: nguyên tắc phát triển bền vững, nguyên tắc coi trọng tính phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, nguyên tắc sử dụng các công cụ kinh tế trong hoạt động bảo vệ môi trường, cũng như thông qua các nhóm quy định cụ thể.⁹ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 cũng xây dựng được các quy định về thông tin về môi trường, thanh tra, xử lý vi phạm, khiếu nại, tố cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường. Các nhóm quy định này góp phần nâng cao khả năng thực thi quyền con người được sống trong môi trường trong lành.

Trên cơ sở Điều 43 Hiến pháp năm 2013, quyền được sống trong môi trường trong lành được Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 ghi nhận và trở thành nguyên tắc trong khoản 2 Điều 4. Luật này chi tiết hóa các công cụ đánh giá môi trường như tiêu chuẩn môi trường, quy chuẩn kỹ thuật, báo cáo môi trường (Chương XI và XIII). Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 tiếp tục ghi nhận quyền này (khoản 3 Điều 4), mở rộng đối tượng áp dụng, bao gồm cộng đồng dân cư cùng các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân. Cộng đồng dân cư được xác định là chủ thể quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 kế thừa và chi tiết hóa các quy định từ các luật trước, khẳng định sự mở rộng vai trò của con người trong bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành.¹⁰

8 Bùi Đức Hiền, “Về quyền được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, số 11, 2011, tr. 24.

9 Bùi Đức Hiền, *ltdđ*, tr. 24

10 Võ Trung Tín, “Một số điểm mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 02(150), 2022, tr. 94; Nguyen Thi Lan Huong, “The Inclusion of Sustainable Development into New-Generation FTAs – What Can be Expected in Reserving Nations’ Rights to Regulate?”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 7(2), 2022, tr. 73–100, <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0009>.

2. Công cụ pháp lý thực thi quyền con người được sống trong môi trường trong lành theo pháp luật bảo vệ môi trường

2.1. Nhóm công cụ pháp lý nhằm nhận diện môi trường trong lành

Tại Điều 5 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường đã thể hiện vai trò của Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường, tạo cơ sở để thực hiện quyền con người được sống trong môi trường trong lành. Có thể thấy, Nhà nước sẽ giữ vai trò xây dựng các quy định nhằm nhận biết tình trạng môi trường để tạo điều kiện cho người dân thực hiện quyền của mình. Các nhóm quy định này có vai trò quan trọng mang đến thông tin về chất lượng môi trường cho người dân. Các nhóm quy định này cũng có mối liên hệ mật thiết với nhau, bảo đảm thông tin được thu thập chính xác, có tính khoa học, phản ánh đúng tình trạng môi trường.

2.1.1. Hệ thống tiêu chuẩn môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường

Trước hết, để nhận diện môi trường trong lành hay ô nhiễm, cần có hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật môi trường làm thước đo. Khoản 10 và 11 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường 2020 định nghĩa: tiêu chuẩn môi trường là quy định tự nguyện, còn quy chuẩn kỹ thuật môi trường là quy định bắt buộc áp dụng về mức giới hạn thông số chất lượng môi trường. Hai khái niệm này tương thích với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006.

Luật Bảo vệ môi trường 2020 phân loại tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gồm 6 nhóm cụ thể (Điều 97). Điểm mới của luật là sự chi tiết, chặt chẽ hơn trong quy định, đặc biệt quy định tại điều 98 đến 101. Ngoài ra, khoản 3 Điều 102 yêu cầu cơ quan chuyên ngành môi trường tham gia xây dựng quy chuẩn khác có tác động môi trường. Tuy nhiên, quy định này còn giới hạn ở chất thải và quản lý chất thải. Thiết nghĩ, các lĩnh vực như xây dựng, giao thông, khoáng sản cũng cần ý kiến của cơ quan môi trường nhằm bảo đảm tính toàn diện và tương thích giữa các lĩnh vực pháp luật.

2.1.2. Thông tin môi trường

Thông tin môi trường bao gồm các nội dung về thành phần môi trường, tình trạng ô nhiễm và hoạt động bảo vệ môi trường, đóng vai trò nhận diện tính trong lành của môi trường. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (khoản 1 Điều 114) liệt kê đa dạng thông tin như ô nhiễm, chất lượng môi trường, hệ sinh thái và chất thải, giúp Nhà nước và người dân thực thi quyền sống trong môi trường trong lành. Nhiều chủ thể như cơ quan nhà nước, chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất có nghĩa vụ thu nhận, lưu trữ, quản lý thông tin môi trường. Nhà nước cũng khuyến khích tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin (khoản 2 Điều 114).

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 chú trọng công khai thông tin qua quy định cụ thể: công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường (các điều

37, 38), giấy phép môi trường (Điều 47), danh sách hội đồng thẩm định và thông tin phòng ngừa sự cố (Điều 129). Hình thức công khai thuận tiện được thực hiện qua cổng thông tin, phương tiện truyền thông.¹¹ Có thể thấy, đến nay các quy định về thông tin môi trường và hệ thống thông tin môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã có sự cụ thể, hoàn thiện hơn so với pháp luật trước đây.

2.1.3. Báo cáo môi trường

Báo cáo môi trường là công cụ quan trọng để nhận diện môi trường trong lành thông qua việc tập hợp và xử lý thông tin môi trường. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định các loại báo cáo: báo cáo công tác bảo vệ môi trường (Điều 118), báo cáo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (Điều 119), và báo cáo hiện trạng môi trường (Điều 120).

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường được lập hằng năm bởi Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên và các Bộ, phản ánh diễn biến chất lượng môi trường và kết quả bảo vệ môi trường. Trong khi đó, báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh do các chủ dự án đầu tư gửi đến cơ quan có thẩm quyền. Các báo cáo môi trường nêu trên sau khi lập cũng có thể trở thành một nguồn thông tin về môi trường, song hiện nay Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 chỉ đặt ra yêu cầu gửi báo cáo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mà chưa có cơ chế khai thác các báo cáo này như một dạng thông tin môi trường theo Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.¹²

Đối với báo cáo hiện trạng môi trường, gồm báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường và báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường, trách nhiệm lập báo cáo được giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung chính của báo cáo hiện trạng môi trường bao gồm tổng quan về tự nhiên, kinh tế, xã hội; các tác động môi trường; hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường và các yêu cầu khác về nội dung quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia và địa phương được lập theo mô hình Động lực - Sức ép - Hiện trạng - Tác động - Đáp ứng (mô hình DPSIR) theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Các quy định về mô hình báo cáo như trên là có tính cần thiết, bảo đảm tính khoa học, tính chính xác của thông tin trong các báo cáo. Báo cáo hiện trạng môi trường có thể được tiếp cận trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên

11 Yêu cầu công khai danh sách hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định chi tiết tại Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

12 Xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường và đánh giá kết quả bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 63 và 64 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.2. Nhóm công cụ pháp lý để người dân có khả năng tự thực hiện quyền được sống trong môi trường trong lành

2.2.1. Quyền khai thác và tiếp cận thông tin môi trường

Quyền tiếp cận thông tin môi trường giúp người dân đánh giá chất lượng môi trường sống, góp phần thực thi quyền được sống trong môi trường trong lành. Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về công khai và cung cấp thông tin môi trường nhưng phân tán trong nhiều điều khoản như: công khai thông tin (khoản 3 Điều 114), dịch vụ cung cấp thông tin (khoản 1 Điều 116), và quyền khai thác thông tin của tổ chức, cộng đồng dân cư (các điều 158, 159). Tuy nhiên, luật chưa hệ thống hóa phương thức, quy trình cụ thể để người dân tự khai thác và sử dụng thông tin. Điều 101 Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định các hình thức yêu cầu cung cấp thông tin như dịch vụ công trực tuyến, thỏa thuận với cơ quan quản lý. Tuy vậy, quy định này còn chung chung, thiếu cụ thể về thủ tục và cách thức xác lập thỏa thuận, làm giảm khả năng người dân chủ động tiếp cận thông tin môi trường cho các mục đích hợp pháp.

2.2.2. Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường

Thiệt hại về môi trường bao gồm sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường và thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và nhiều các lợi ích khác của con người. Do đó, quyền yêu cầu khi phát hiện sự kiện ô nhiễm, suy thoái môi trường và quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường cần được quy định để người dân tự thực hiện quyền của mình về sống trong môi trường trong lành.

Mặc dù tên gọi của Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là “Trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại và xác định thiệt hại về môi trường”, tuy nhiên riêng đối với khoản 1 Điều 131 này,¹³ nhóm tác giả cho rằng đây cũng là biểu hiện của một quyền yêu cầu khi có dấu hiệu ô nhiễm, suy thoái môi trường xảy ra. Hoạt động thông báo của tổ chức, cá nhân cho cơ quan có thẩm quyền về dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái là góp phần khắc phục các thiệt hại cho chính môi trường, bảo vệ sự trong lành của môi trường mà tổ chức, cá nhân cũng là đối tượng thụ hưởng môi trường đó.

Khoản 3 Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định khi thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản xảy ra do suy giảm chức năng môi trường, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có thể yêu cầu bồi thường. Đặc biệt, luật cho phép họ tự thực hiện hoặc ủy quyền cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường.

13 Khoản 1 Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định rằng: “Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cá nhân phát hiện môi trường có dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái thông báo cho cơ quan có trách nhiệm yêu cầu bồi thường và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái quy định tại khoản 2 Điều này.”

Việc bồi thường thiệt hại sẽ áp dụng quy định dân sự ngoài hợp đồng và pháp luật tố tụng dân sự. Để yêu cầu bồi thường được chấp nhận, cần chứng minh ba yếu tố: thiệt hại xảy ra, hành vi trái pháp luật và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại. Khoản 2 Điều 133 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 chuyển trách nhiệm chứng minh mối quan hệ nhân quả từ người yêu cầu bồi thường sang chủ thể vi phạm pháp luật về môi trường. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân bảo vệ quyền lợi của mình.

Bên cạnh đó, các phương thức giải quyết bồi thường thiệt hại môi trường theo khoản 1 Điều 133 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cho thấy tinh thần khuyến khích thương lượng trong quá trình giải quyết loại tranh chấp này. Yêu cầu thương lượng trước khi lựa chọn các phương thức giải quyết khác (hòa giải, giải quyết bằng Tòa án hoặc trọng tài) và được áp dụng cho tất cả các loại bồi thường thiệt hại về môi trường. Yêu cầu này không làm hạn chế quyền của người bị thiệt hại, phù hợp với thực tế nhiều vụ việc bồi thường được giải quyết chủ yếu bằng con đường thương lượng.¹⁴ Phương thức thương lượng trước hết phù hợp với các yêu cầu bồi thường về thiệt hại tính mạng, sức khỏe và lợi ích khác của tổ chức, cá nhân do sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra. Khi đó, chủ thể có quyền yêu cầu sẽ thỏa mãn được các yêu cầu của mình bằng phương thức thuận tiện, tiết kiệm thời gian, giảm thiểu được các yêu cầu về thủ tục so với các phương thức còn lại. Trong trường hợp phải tiếp tục giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng các phương thức khác, trong đó bao gồm cả các thủ tục tố tụng, trên thực tế vẫn ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận, thương lượng của các bên¹⁵ cho thấy thương lượng vẫn là phương thức được ưu tiên sử dụng.

Ở khía cạnh khác, cần xem xét tính hiệu quả khi sử dụng phương thức thương lượng trong bồi thường các thiệt hại là sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường. Thiệt hại trong trường hợp này không phải là thiệt hại cho một cá nhân, tổ chức cụ thể nào mà là thiệt hại cho môi trường. Do đó, bên cạnh các rủi ro về lợi dụng thương lượng để trốn tránh trách nhiệm bồi thường hoặc tạo ra trở ngại cho bên gây thiệt hại khi họ đã có thiện chí

14 Nguyễn Thị Ngọc Lan, “Bồi thường thiệt hại về môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường 2020”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 07(155), 2022, tr. 67.

15 Vụ việc 11 doanh nghiệp chế biến hải sản hai lần xả thải gây ô nhiễm nước sông Chà Và ở thành phố Vũng Tàu, gây thiệt hại cá chết cho 33 hộ dân nuôi trồng thủy sản. Các hộ dân cùng khởi kiện lên Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu và được thụ lý trong cùng một vụ án. Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2016/DS-ST ngày 22-12-2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo bởi 09 bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được tổng số tiền bồi thường là 5.470.172.000 đồng. Xem Bản án số 84/2017/DS-PT ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

thực hiện bồi thường,¹⁶ cần có cơ chế kiểm soát quá trình thương lượng và kết quả thương lượng gắn với khả năng phục hồi môi trường, tránh tình trạng kết quả thương lượng không đủ bù đắp thiệt hại phát sinh. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có thể hiện khía cạnh này bằng quy định cơ quan yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường và yêu cầu bồi thường thiệt hại dựa trên kết quả tư vấn của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ (điểm c khoản 4 Điều 133). Thiết nghĩ, Luật Bảo vệ môi trường cần có quy định riêng hoặc có nguyên tắc xác định trách nhiệm đối với kết quả bồi thường của cơ quan yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường. Các quy định này sẽ góp phần bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của người dân được thể hiện ở đầy đủ các khía cạnh hơn.

3. Kết luận và định hướng hoàn thiện

Các quy định của pháp luật về quyền con người trong lĩnh vực môi trường đã thể hiện sự thay đổi đáng kể trong nhận thức, định hướng, kỹ thuật lập pháp để ghi nhận và thực thi quyền này. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 tập hợp được các quy định bảo đảm thực hiện quyền con người được sống trong môi trường trong lành. Nhưng với phạm vi điều chỉnh của luật hiện hành, một số nội dung thực hiện quyền cần áp dụng các quy định trong các lĩnh vực khác như các lĩnh vực luật dân sự, hình sự, hành chính, pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo.

Ngoài ra, hệ thống các quy định phục vụ nhận diện tính trong lành của môi trường được xây dựng đã có tính hệ thống, vừa mang tính chất pháp lý vừa yêu cầu cao về tính kỹ thuật. Để hoàn thiện các quy định này, cần không chỉ nâng cao các yêu cầu của từng nhóm quy định đã có, mà còn ở rộng điều chỉnh thêm một số lĩnh vực khác có tác động đến môi trường như xây dựng, giao thông vận tải, năng lượng, hoạt động khoáng sản. Theo đó, cần có ý kiến của cơ quan quản lý môi trường trong quá trình xây dựng, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật có tác động đến môi trường. Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường theo hướng tập hợp được đa dạng các thông tin về môi trường trên cơ sở các phương pháp thu thập, lưu trữ, xử lý có tính khoa học, nhấn mạnh vào cơ chế khai thác thông tin môi trường theo yêu cầu để phục vụ các mục đích hợp pháp của người dân, trong đó xác định rõ phương thức, thủ tục khai thác thông tin về môi trường.

Các phương thức giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cần tiếp tục tạo điều kiện cho người dân thực hiện quyền về môi trường của mình, trong đó ưu tiên giải pháp thương lượng, nhưng cần có cơ chế kiểm soát quá trình thương lượng và kết quả thương

16 Nguyễn Thị Ngọc Lan, *tlđd*, tr. 68.

lượng gắn với khả năng phục hồi môi trường, bảo đảm kết quả bồi thường đáp ứng được yêu cầu khắc phục thiệt hại, phục hồi tính trong lành của môi trường. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Bản án số 84/2017/DS-PT ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu [trans: Judgment No. 84/2017/DS-PT dated August 1, 2017 of the People's Court of Ba Ria – Vung Tau province]
- [2] Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020*, Nxb. Dân Trí, 2021 [trans: Ministry of Natural Resources and Environment, *Report on the State of the National Environment for the period 2016 - 2020*, Dan Tri Publishing House, 2021]
- [3] Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng, *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009 [trans: Nguyen Dang Dung, Vu Cong Giao, La Khanh Tung, *Textbook of Theory and Law on Human Rights*, Hanoi National University Press, 2009]
- [4] Tran Thi Thuy Duong, “Harmonisation Between Trade Liberalisation and Environmental Protection – A Long Way to Go? An Analysis of Vietnam's Debris Importation Control in Light of WTO and CPTPP Rules”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 6(1), 2022, <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0002>
- [5] Erin Erin Eacott, “A clean & healthy environment: The barriers & limitations of this emerging human right”, *Dalhousie Journal of Legal Studies*, Vol. 10, 2001
- [6] Bùi Đức Hiền, “Về quyền được sống trong môi trường trong lành ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, số 11, 2011 [trans: Bui Duc Hien, “On the right to live in a clean environment in Vietnam today”, *Journal of Law*, No. 11, 2011]
- [7] Nguyen Thi Lan Huong, “The Inclusion of Sustainable Development into New-Generation FTAS – What Can be Expected in Reserving Nations' Rights to Regulate?”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 7(2), 2022, <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0009>
- [8] Nguyễn Thị Ngọc Lan, “Bồi thường thiệt hại về môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường 2020”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 07(155), 2022 [trans: Nguyen Thi Ngoc Lan, “Compensation for environmental damage under the 2020 Environmental protection law”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 155(07), 2022]
- [9] Trần Thị Trúc Minh, “Quyền con người được sống trong môi trường trong lành và việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, Đặc san số 03, 2013 [trans: Tran Thi Truc Minh, “Human rights to live in a clean environment and the amendment of the 1992 Constitution”, *Journal of Legal Sciences*, No. 03, 2013]
- [10] Gayathri D. Naik, “The Right to a Clean Environment in India: Gender Perspective”, *Vermont Journal of Environmental Law*, Vol. 21(3), Spring, 2020
- [11] Huỳnh Thị Hồng Nhiên, “Quyền được sống trong môi trường trong lành theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam – Một số kiến nghị hoàn thiện”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện nghiên cứu Con người – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2022 [trans: Huynh Thi Hong Nien, “The right to live in a clean environment according to the Constitution and laws of Vietnam – Some recommendations for improvement”, *Proceedings of the scientific conference Ensuring the human right to life in a clean environment: Some theoretical and practical issues*, Institute for Human Research – Vietnam Academy of Social Sciences, 2022]
- [12] Võ Trung Tín, “Assessing Vietnam's Environmental Laws and Direction for Improvement”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 1(1), 2019, <https://doi.org/10.2478/vjls-2020-0004>
- [13] Võ Trung Tín, “Một số điểm mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 02(150), 2022 [trans: Vo Trung Tin, “Some new provisions of the 2020 Law on Environmental protection”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 150 (02), 2022]
- [14] UN Committee on Economic, Social and Cultural Rights, *General Comment No. 14: The Right to the Highest Attainable Standard of Health (Art. 12 of the Covenant)*, E/C.12/2000/4, 2000